|  |  |
| --- | --- |
| UỶ BAN NHÂN DÂN  **THÀNH PHỐ HÀ NỘI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: TTr-UBND | *Hà Nội, ngày tháng năm 2025* |

**TỜ TRÌNH**

**V/v đăng ký xây dựng Nghị quyết quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội**

**và đối tượng hưởng chính sách trợ giúp xã hội đặc thù**

**của thành phố Hà Nội**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội.

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 76/2024/NĐ-CP ngày 01/7/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội; Chương trình công tác số 01/CT-UBND ngày 08/01/2025 của UBND thành phố Hà Nội về Chương trình công tác của Ủy ban nhân dân Thành phố năm 2025.

Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội kính đề nghị HĐND Thành phố xây dựng ***“Nghị quyết quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội và đối tượng hưởng*** ***chính sách trợ giúp xã hội đặc thù của thành phố Hà Nội”*** như sau:

**I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT**

**1. Cơ sở chính trị, pháp lý**

- Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

- Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 2 năm 2025 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 25 tháng 6 năm 2025;

- Luật Thủ đô ngày 28 tháng 6 năm 2024: “*Điều 27 Khoản 1: Xây dựng hệ thống chính sách xã hội, an sinh xã hội, phúc lợi xã hội của Thủ đô bảo đảm đa dạng, toàn diện, hiện đại, bền vững, bao phủ toàn dân...”; “Khoản 3. b)... hỗ trợ đối với các đối tượng khác theo mức cao hơn mức quy định hoặc cho đối tượng chưa được quy định trong văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên;” “Khoản 4. Hội đồng nhân dân Thành phố quy định đối tượng, nội dung, mức hỗ trợ và trình tự, thủ tục thực hiện các chính sách xã hội, an sinh xã hội, phúc lợi xã hội của Thành phố; từng bước mở rộng phạm vi đối tượng thụ hưởng và bố trí ngân sách phù hợp với điều kiện thực tiễn và khả năng cân đối của ngân sách Thành phố để thực hiện ...”*

- Nghị quyết số 42-NQ/TW ngày 24 tháng 11 năm 2023 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về “Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới”; *( Mục tiêu đến năm 2030: Xây dựng hệ thống chính sách xã hội theo hướng bền vững, tiến bộ và công bằng, không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân, góp phần cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Hoàn thiện chính sách an sinh xã hội đa dạng, đa tầng, toàn diện, hiện đại, bao trùm, bền vững; tạo cơ hội cho Nhân dân...”*

- Chương trình hành động số 32-CTr/TU ngày 04 tháng 4 năm 2024 của Thành ủy thực hiện Nghị quyết số 42-NQ/TW ngày 24 tháng 11 năm 2023 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII, trong đó có nội dung: *“Tiếp tục nâng mức chuẩn trợ giúp xã hội theo hướng bảo đảm mức sống tối thiểu”*;

- Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội; Nghị định số 76/2024/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội, trong đó có nội dung: *“Trường hợp điều kiện kinh tế - xã hội địa phương bảo đảm, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định: a) Mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội áp dụng trên địa bàn cao hơn mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội quy định tại Nghị định này”.*

- Nghị định 176/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về trợ cấp hưu trí xã hội; *(Khoản 2, Điều 3 “ Tùy theo điều kiện kinh tế - xã hội, khả năng cân đối ngân sách, huy động các nguồn lực xã hội, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định hỗ trợ thêm cho người hưởng trợ cấp hưu trí xã hội”.*

- Quyết định số 383/QĐ-TTg ngày 21 tháng 02 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt chiến lược quốc gia về người cao tuổi đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2045; *( Mục 3. Mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể: a) giai đoạn 2025 -2030: 100% người cao tuổi tâm thần nặng, người cao tuổi lang thang được nhận, chăm sóc, phục hồi chức năng tại các cơ sở trợ giúp xã hội).*

- Chương trình số 08-CTr/TU ngày 17 tháng 3 năm 2021 của Thành ủy Hà Nội về “Phát triển hệ thống an sinh xã hội, nâng cao phúc lợi xã hội, chất lượng cuộc sống của Nhân dân Thủ đô giai đoạn 2021-2025”, trong đó có nội dung “*nâng mức trợ cấp xã hội, mức hỗ trợ hằng tháng phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội và khả năng cân đối ngân sách của Thành phố”*.

**2. Cơ sở thực tiễn**

Thành phố đang thực hiện chính sách trợ giúp xã hội theo các văn bản sau:

- Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng đối tượng bảo trợ xã hội;

- Nghị định 176/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về trợ cấp hưu trí xã hội;

- Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND ngày 23 tháng 9 năm 2021 của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội và đối tượng bảo trợ xã hội của thành phố Hà Nội;

- Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định một số chính sách đặc thù thực hiện mực tiêu giảm nghèo bền vững của thành phố Hà Nội giai đoạn 2022 - 2025;

- Nghị quyết số 13/2023/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định một số nội dung và mức chi thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân Thành phố;

- Quyết định số 2252/QĐ-UBND ngày 17/4/2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố về thực hiện công tác tập trung người lang thang trên địa bàn thành phố Hà Nội.

*a) Về mức chuẩn trợ giúp xã hội*

- Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND ngày 23 tháng 9 năm 2021 của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội và đối tượng bảo trợ xã hội của thành phố Hà Nội trong đó tại khoản 2 Điều 2 quy định: *“2. Mức chuẩn trợ giúp xã hội của Thành phố Hà Nội là 440.000 đồng/tháng”*, mức chuẩn trợ giúp xã hội của Thành phố bằng 1,22 lần so với mức chuẩn trợ giúp xã hội của Chính phủ quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP *(mức chuẩn 440.000 đồng so với 360.000 đồng)*. Toàn Thành phố hiện có 282.689 người đang hưởng chính sách trợ giúp xã hội hằng tháng tại cộng đồng (trong đó: Bảo trợ xã hội: 119.679 người; Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi đang hưởng bảo trợ xã hội chuyển sang trợ cấp hưu trí xã hội: 84.371 người; người hưởng trợ cấp hưu trí xã hội mới từ tháng 7/2025: 78.639 người); 3.117 người đang được chăm sóc, nuôi dưỡng tại các cơ sở trợ giúp xã hội của Thành phố. Kinh phí thực hiện trợ giúp xã hội và trợ cấp hưu trí xã hội trên 180 tỷ đồng/tháng *(mức trợ giúp xã hội hàng tháng bằng mức chuẩn trợ giúp xã hội nhân với hệ số; đối tượng trợ cấp hưu trí xã hội hưởng 500.000 đồng/người/tháng)*, từ nguồn ngân sách Thành phố theo phân cấp. Các chính sách trợ giúp xã hội luôn được thực hiện đúng, đủ, kịp thời, góp phần đảm bảo an sinh xã hội trên địa bàn Thủ đô.

Từ năm 2014 đến 2024, Chính phủ đã 02 lần thay đổi mức chuẩn trợ giúp xã hội *(năm 2021, 2024)*; thành phố Hà Nội 01 lần thay đổi mức chuẩn trợ giúp xã hội của địa phương *(năm 2021).* Thành phố luôn áp dụng mức chuẩn trợ giúp xã hội cao hơn mức chuẩn Trung ương. Cụ thể:

+ Từ tháng 8/2011 đến tháng 6/2021 áp dụng mức chuẩn 350.000 đồng *(Trung ương là 180.000 đồng).*

+ Từ tháng 7/2021 đến tháng 6/2024 áp dụng mức chuẩn 440.000 đồng *(Trung ương là 360.000 đồng)*.

+ Từ tháng 7/2024 đến nay áp dụng mức chuẩn 500.000 đồng *(bằng mức chuẩn của Trung ương là 500.000 đồng)*.

Hà Nội là một trong những địa phương đi đầu cả nước trong thực hiện các chính sách an sinh xã hội. Là một trong những địa phương có mức chuẩn cao hơn mức trung ương quy định. Mức chuẩn trợ cấp xã hội của Thành phố không ngừng cải thiện. Số lượng đối tượng bảo trợ xã hội của Hà Nội cao nhất cả nước *(Hà Nội 185.963 đối tượng, Thanh Hóa 178.359 đối tượng, thành phố Hồ Chí Minh 133.132 đối tượng, Quảng Nam 106.706 đối tượng).*

- Ngày 01/7/2024, Chính phủ ban hành Nghị định số 76/2024/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội, trong đó:

+ Khoản 1 Điều 1 quy định: *“Mức chuẩn trợ giúp xã hội áp dụng từ ngày 01 tháng 7 năm 2024 là 500.000 đồng/tháng”.* Mức chuẩn trợ giúp xã hội mới tăng 1,39 lần so với mức chuẩn trợ giúp xã hội quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP của Chính phủ.

*+* Khoản 2 Điều 1 quy định: *“Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 4 như sau: Trường hợp điều kiện kinh tế - xã hội địa phương bảo đảm, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định: a) Mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội áp dụng trên địa bàn cao hơn mức chuẩn trợ giúp xã hội và mức trợ giúp xã hội quy định tại Nghị định này”*.

- Thực hiện Nghị quyết số 13/2023/NQ-HĐND ngày 06/12/2023 của Hội đồng nhân dân Thành phố, hiện có 1.262 trẻ em khuyết tật nhẹ, mắc bệnh hiểm nghèo được hỗ trợ hàng tháng *(mức hỗ trợ hàng tháng bằng mức chuẩn trợ giúp xã hội nhân với hệ số)*, kinh phí thực hiện trên 582 triệu đồng/tháng.

- Luật Thủ đô số 39/2024/QH15 *(có hiệu lực từ ngày 01/01/2025)*, tại khoản 4 Điều 27 quy định *“Hội đồng nhân dân Thành phố quy định đối tượng, nội dung, mức hỗ trợ và trình tự, thủ tục thực hiện các chính sách xã hội, an sinh xã hội, phúc lợi xã hội của Thành phố”.*

- Ngày 30 tháng 6 năm 2024 Chính phủ đã ban hành Nghị định số 73/2024/NĐ-CP quy định mức lương cơ sở và chế độ tiền thưởng đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang, trong đó tại khoản 2, Điều 3 quy định *“Từ ngày 01 tháng 7 năm 2024, mức lương cơ sở là 2.340.000 đồng/tháng”. (Tăng 1,3 lần so với mức lương cơ sở quy định tại Nghị định số 24/2023/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ).*

- Chỉ số giá tiêu dùng bình quân năm sau tăng so với năm trước:

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Nội dung | 2019 | 2020 | 2021 | 2022 | 2023 | 2024 |
| Chỉ số giá tiêu dùng | 103,8  % | 103,2  % | 105,04  % | 108,19  % | 111,44  % | 115,1  % |

Mức chuẩn 440.000 đồng của thành phố Hà Nội đã thực hiện từ tháng 7/2021 đến hết tháng 6/2024, không theo kịp mức tăng giá tiêu dùng, mức tăng lương cơ sở và thấp hơn mức chuẩn Trung ương.

*b) Về đối tượng bảo trợ xã hội*

- Đối tượng bảo trợ xã hội ở cộng đồng: Những năm qua, Thành phố thực hiện trợ cấp xã hội cho các đối tượng theo đúng quy định của Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội và Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND ngày 23 tháng 9 năm 2021 của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội và đối tượng bảo trợ xã hội của thành phố Hà Nội.

- Từ ngày 01 tháng 7 năm 2025 thực hiện Nghị định số 176/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về trợ cấp hưu trí xã hội: Công dân Việt Nam từ đủ 70 tuổi đến dưới 75 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định của Chính phủ và từ đủ 75 tuổi trở lên không hưởng lương hưu hoặc trợ cấp bảo hiểm xã hội hằng tháng được hưởng trợ cấp hưu trí xã hội, mức hưởng 500.000 đồng/tháng. Nghị định số 176/2025/NĐ-CP quy định đối tượng tại điểm b và điểm c khoản 5 Điều 5 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ đang hưởng trợ cấp xã hội hằng tháng mà đủ điều kiện hưởng trợ cấp hưu trí xã hội thì được chuyển sang hưởng trợ cấp hưu trí xã hội kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực và đối tượng quy định tại điểm b và điểm c khoản 5 Điều 5 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội hết hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

- Đối tượng được tiếp nhận vào nuôi dưỡng tại các cơ sở trợ giúp xã hội: Ngoài các đối tượng theo quy định của Chính phủ, quy định của Thành phố tại Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND, thành phố Hà Nội còn tiếp nhận một số đối tượng có hoàn cảnh khó khăn vào nuôi dưỡng tại các cơ sở trợ giúp xã hội thuộc Sở Y tế Hà Nội:

+ Người lang thang có hành vi xin ăn, xin tiền (bao gồm người đi cùng); người dẫn theo trẻ em, người khuyết tật, người cao tuổi để bán hàng rong, đeo bám, chèo kéo người đi đường (bao gồm trẻ em, người khuyết tật và người cao tuổi đi cùng); người cao tuổi, trẻ em bị đi lạc gia đình; người lang thang sinh sống ở nơi công cộng trong dịp Tết Nguyên đán hoặc thời tiết rét đậm dưới 100C.

+ Người tâm thần lang thang chưa xác định được địa chỉ do các bệnh viện tâm thần chuyển đến.

+ Người lang thang ốm yếu suy kiệt chưa xác định được địa chỉ được các cơ sở y tế chuyển đến.

+ Người cao tuổi cô đơn thuộc hộ cận nghèo.

+ Trẻ em mồ côi cha mẹ thuộc hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo.

+ Người khuyết tật nặng thuộc hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo.

- Tham khảo một số tỉnh, thành phố: có 05 tỉnh, Thành phố quy định đối tượng bảo trợ xã hội riêng của tỉnh, chủ yếu là trẻ em, người cao tuổi, người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, người mắc bệnh hiểm nghèo, người dân vùng dân tộc thiểu số, địa bàn đặc biệt khó khăn: Tỉnh Hưng Yên, Tỉnh Quảng Ninh, Tỉnh Đồng Nai, Tỉnh Bắc Ninh, Thành phố Đà Nẵng.

- Từ các căn cứ trên cho thấy, hiện tại mức chuẩn trợ cấp của thành phố Hà Nội tại Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND ngày 23 tháng 9 năm 2021 của Hội đồng nhân dân Thành phố thấp hơn mức chuẩn trợ cấp hiện tại của Trung ương quy định tại Nghị định số 76/2024/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ;

- Đối tượng hưởng theo Nghị định số 176/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về trợ cấp hưu trí xã hội, mức trợ cấp 500.000 đồng/tháng thấp hơn chuẩn trợ giúp xã hội 700.000 đồng của Nghị quyết *“Quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội và đối tượng hưởng chính sách trợ giúp xã hội đặc thù của thành phố Hà Nội”* nếu được thông qua.

Để đảm bảo quyền lợi, chế độ của các đối tượng bảo trợ xã hội của thành phố Hà Nội và góp phần thực thi Luật Thủ đô, việc xây dựng Nghị quyết *“Quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội và đối tượng hưởng chính sách trợ giúp xã hội đặc thù của thành phố Hà Nội”* thay thế Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND ngày 23 tháng 9 năm 2021 của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội và đối tượng bảo trợ xã hội của thành phố Hà Nội phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội và khả năng cân đối ngân sách của Thành phố là cần thiết và phù hợp với các văn bản pháp luật hiện hành, với chỉ đạo của Thành ủy và điều kiện thực tế của thành phố Hà Nội.

**II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT**

1. **Mục đích ban hành Nghị quyết**

- Góp phần thực hiện Luật Thủ đô số 39/2024/QH15; Nghị quyết số 42-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII; Quyết định số 383/QĐ-TTg ngày 21 tháng 02 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ; Chương trình hành động số 32-CTr/TU của Thành ủy; Chương trình số 08-CTr/TU của Thành ủy Hà Nội và hoàn thiện chính sách trợ giúp xã hội của Thành phố, góp phần đảm bảo an sinh xã hội, nâng cao phúc lợi xã hội, đời sống Nhân dân Thủ đô.

- Tiếp tục thực hiện tốt các chính sách trợ giúp xã hội đối với các nhóm đối tượng bảo trợ xã hội, đối tượng có hoàn cảnh hoàn cảnh đặc biệt khó khăn theo đúng quy định của Chính phủ và Thành phố. Duy trì mức chuẩn trợ giúp xã hội cao hơn mức chuẩn do Chính phủ quy định đã được Thành phố thực hiện liên tục từ nhiều năm nay, thể hiện sự quan tâm của Đảng bộ, chính quyền Thành phố đối với các đối tượng bảo trợ xã hội, phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội, khả năng cân đối ngân sách của Thành phố và đúng thẩm quyền.

- Việc quy định đối tượng bảo trợ xã hội được chăm sóc, nuôi dưỡng trong cơ sở trợ giúp xã hội được quy định tại Điều 24 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội và Điều 45 Luật người khuyết tật gây khó khăn cho các xã, phường, thị trấn khi đưa đối tượng vào trung tâm khi phải xác định “không nơi nương tựa, không tự lo được cuộc sống”, trong khi người khuyết tật đặc biệt nặng mọi sinh hoạt cá nhân đều phải có người phục vụ và cũng chưa có văn bản quy phạm pháp luật nào quy định thế nào là “không nơi nương tựa của người khuyết tật” nên việc sửa đổi Nghị quyết tạo điều kiện thuận lợi cho địa phương thực hiện chính sách.

- Việc bổ sung đối tượng Người cao tuổi tâm thần nặng, người cao tuổi lang thang được tiếp nhận, chăm sóc nuôi dưỡng trong cơ sở trợ giúp xã hội của Thành phố đảm bảo hoàn thành chỉ tiêu của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 383/QĐ-TTg ngày 21 tháng 02 năm 2025 về Phê duyệt chiến lược quốc gia về người cao tuổi đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2045 *(Mục 3. Mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể: a) giai đoạn 2025 -2030: 100% người cao tuổi tâm thần nặng, người cao tuổi lang thang được nhận, chăm sóc, phục hồi chức năng tại các cơ sở trợ giúp xã hội)* và đảm bảo tính ưu việt của chính sách theo quy định của Luật người khuyết tật *“Người khuyết tật được chăm sóc sức khỏe, phục hồi chức năng, học văn hóa, học nghề, việc làm, trợ giúp pháp lý, tiếp cận công trình công cộng, phương tiện giao thông, công nghệ thông tin, dịch vụ văn hóa, thể thao, du lịch và dịch vụ khác phù hợp với dạng tật và mức độ khuyết tật”* tạo điều kiện cho người khuyết tật nặng nhất là đối tượng trẻ em được chăm sóc, nuôi dưỡng, học tập và phục hổi chức năng tại các cơ sở trợ giúp xã hội của Thành phố.

- Xây dựng Nghị quyết “*Quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội và đối tượng hưởng chính sách trợ giúp xã hội đặc thù của thành phố Hà Nội”* thay thế Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND ngày 23 tháng 9 năm 2021 của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội và đối tượng bảo trợ xã hội của thành phố Hà Nộiđể nhóm đối tượng từ đủ 70 tuổi đến dưới 75 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định của Chính phủ và từ đủ 75 tuổi trở lên không hưởng lương hưu hoặc trợ cấp bảo hiểm xã hội hằng tháng đang hưởng trợ cấp hưu trí xã hội được hưởng chính sách nâng mức chuẩn trợ giúp xã hội theo quy định của Thành phố Hà Nội góp phần đảm bảo an sinh xã hội.

- Xây dựng Nghị quyết “*Quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội và đối tượng hưởng chính sách trợ giúp xã hội đặc thù của thành phố Hà Nội”* thay thế*“Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND ngày 23 tháng 9 năm 2021 của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội và đối tượng bảo trợ xã hội của thành phố Hà Nội”* để đúng với chức năng quản lý nhà nước sau sắp xếp tổ chức bộ máy và thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp.

**2. Quan điểm xây dựng Nghị quyết**

- Nội dung dự thảo Nghị quyết phù hợp với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước, quy định pháp luật hiện hành; Đúng quan điểm lãnh đạo, chỉ đạo của Thành ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân Thành phố, phù hợp với yêu cầu thực tiễn, điều kiện kinh tế - xã hội của Thủ đô và khả năng cân đối ngân sách.

- Mở rộng một số đối tượng khó khăn chưa được Trung ương quy định, đảm bảo độ bao phủ để thực hiện an sinh xã hội phù hợp khả năng cân đối ngân sách của Thành phố.

* Nghị quyết chỉ quy định những nội dung thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân Thành phố.
* Nguồn kinh phí thực hiện theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

- Đảm bảo chính sách được thực hiện ổn định, không trùng lặp, không tác động xấu đến kinh tế- xã hội, không tăng thủ tục hành chính, không gây xáo trộn đời sống dân sinh.

**IV. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG CỦA NGHỊ QUYẾT**

* + - 1. **Phạm vi điều chỉnh**

Nghị quyết “*Quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội và đối tượng hưởng chính sách trợ giúp xã hội đặc thù của thành phố Hà Nội”* quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội và đối tượng hưởng chính sách trợ giúp xã hội đặc thù của thành phố Hà Nội.

**2. Đối tượng áp dụng**

a) Đối tượng bảo trợ xã hội theo quy định tại Nghị định số [20/2021/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/van-hoa-xa-hoi/nghi-dinh-20-2021-nd-cp-chinh-sach-tro-giup-xa-hoi-doi-voi-doi-tuong-bao-tro-xa-hoi-467723.aspx) ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;

b) Đối tượng đang hưởng trợ cấp hưu trí xã hội theo quy định tại Nghị định số 176/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về trợ cấp hưu trí xã hội;

c) Đối tượng đang hưởng chính sách trợ giúp xã hội đặc thù của thành phố Hà Nội.

**III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT**

- Ngày 21 tháng 11 năm 2024 Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (Trước sắp xếp tổ chức bộ máy) đã có Văn bản số 4398/SLĐTBXH-VP về việc đề xuất nội dung chương trình công tác năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố, trong đó đã đề xuất việc xây dựng Nghị quyết *“Sửa đổi một số điều của Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND ngày 23 tháng 9 năm 2021 của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội và đối tượng bảo trợ xã hội của thành phố Hà Nội”* trình Hội đồng nhân dân Thành phố kỳ họp tháng 10 năm 2025.

- Ngày 08 tháng 01 năm 2025 Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Chương trình công tác năm 2025 trong đó phê duyệt nội dung trình Hội đồng nhân dân Thành phố kỳ họp tháng 12 năm 2025 Nghị quyết *“Sửa đổi một số điều của Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND ngày 23 tháng 9 năm 2021 của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội và đối tượng bảo trợ xã hội của thành phố Hà Nội”.*

- Ngày 04/02/2025 Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Kế hoạch soạn thảo, ban hành văn bản triển khai thi hành Luật Thủ đô năm 2025 trong đó có nội dung trình Hội đồng nhân dân Thành phố kỳ họp tháng 12 năm 2025 Nghị quyết *“Sửa đổi một số điều của Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND ngày 23 tháng 9 năm 2021 của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội và đối tượng bảo trợ xã hội của thành phố Hà Nội”* theo khoản 1 Điều 27 Luật Thủ đô: Xây dựng hệ thống chính sách xã hội, an sinh xã hội, phúc lợi xã hội của Thủ đô đảm bảo đa dạng, toàn diện, hiện đại, bền vững, bao phủ toàn dân.

Sở Y tế Hà Nội đã nghiên cứu các quy định có liên quan, dự thảo Tờ trình, Nghị quyết theo đúng quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luận ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

**V. MỤC TIÊU, NỘI DUNG CỦA NGHỊ QUYẾT**

**1. Chính sách 1: Mức chuẩn trợ giúp xã hội của thành phố Hà Nội**

***-*** *Mục tiêu của chính sách:*Duy trì mức chuẩn trợ giúp xã hội cao hơn mức chuẩn do Chính phủ quy định đã được Thành phố thực hiện liên tục từ nhiều năm nay, thể hiện sự quan tâm của Đảng bộ, chính quyền Thành phố đối với các đối tượng bảo trợ xã hội, phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội, khả năng cân đối ngân sách của Thành phố.

*- Nội dung của chính sách:*

+ Mức chuẩn trợ giúp xã hội làm căn cứ để xác định: mức trợ cấp xã hội hàng tháng; mức hỗ trợ kinh phí nhận chăm sóc, nuôi dưỡng; mức trợ cấp nuôi dưỡng trong cơ sở trợ giúp xã hội công lập thuộc Sở Y tế Hà Nội; các mức trợ giúp xã hội khác.

+ Mức chuẩn trợ giúp xã hội của thành phố Hà Nội là 700.000 đồng/ tháng.

+ Mức trợ cấp xã hội hàng tháng; mức hỗ trợ kinh phí nhận chăm sóc, nuôi dưỡng; mức trợ cấp nuôi dưỡng trong cơ sở trợ giúp xã hội thuộc Sở Y tế Hà Nội; các mức trợ giúp xã hội khác bằng mức chuẩn trợ giúp xã hội nhân với hệ số.

*- Các giải pháp thực hiện chính sách:* Nâng mức chuẩn trợ giúp xã hội (tại cộng đồng và cơ sở trợ giúp xã hội), áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 **từ 500.000 đồng/tháng lên 700.000 đồng/tháng** (cao hơn 1,4 lần so với mức chuẩn Chính phủ quy định tại Nghị định 76/2024/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ.

+ Cách tính mức trợ giúp xã hội hằng tháng:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Mức trợ giúp xã**  **hội hằng tháng =** | **Mức chuẩn trợ**  **giúp xã hội x** | **Hệ số trợ cấp quy định**  **Cho từng loại đối tượng** |

*- Giải pháp tối ưu được lựa chọn và lý do lựa chọn:* Mức chuẩn trợ giúp xã hội trên địa bàn Thành phố hiện nay được xây dựng trên nguyên tắc dựa vào mức chuẩn trợ giúp xã hội của Chính phủ, nhu cầu bảo đảm mức sống tối thiểu của người dân và điều kiện kinh tế - xã hội của Thành phố. Thành phố Hà Nội luôn áp dụng mức chuẩn trợ giúp xã hội cao hơn mức chuẩn Trung ương, cụ thể:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Thời gian điều chỉnh chuẩn**  **Trợ giúp xã hội** | **Trung ương**  ***(đồng)*** | **Hà Nội**  ***(đồng)*** | **Tỷ lệ**  ***(lần)*** |
| Năm 2008 | 120.000 | 150.000 | 1,25 |
| Từ năm 2009 - 2010 | 180.000 | 250.000 | 1,4 |
| Từ năm 2011 - 2020 | 270.000 | 350.000 | 1,3 |
| Từ năm 2021 - 2024 | 360.000 | 440.000 | 1,22 |
| Từ tháng 7/2024 đến nay | 500.000 | |  |

Tuy mức chuẩn trợ giúp xã hội của Chính phủ quy định tại Nghị định 76/2024/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2024 là 500.000 đồng và thành phố Hà Nội đang áp dụng nhưng mức chuẩn trợ giúp này so với mặt bằng mức sống trung bình của Thủ đô Hà Nội thì vẫn còn thấp, các chế độ, chính sách bảo trợ xã hội mới chỉ hỗ trợ được một phần các nhu cầu thiết yếu tối thiểu trong cuộc sống của đối tượng. Mức chuẩn trợ giúp xã hội: Năm 2015 bằng 30% mức lương cơ sở, năm 2020 bằng 24% mức lương cơ sở; Năm 2025 bằng 21% mức lương cơ sở; Năm 2015 bằng 42% theo chuẩn nghèo khu vực nông thôn giai đoạn 2015 - 2020, Năm 2020 bằng 23,3 % theo chuẩn nghèo khu vực nông thôn giai đoạn 2021 - 2025. Do vậy việc tăng mức chuẩn trợ giúp xã hội là cần thiết.

Đề xuất tăng mức chuẩn trợ giúp xã hội **từ 500.000 đồng/tháng lên 700.000 đồng/tháng** *(cao hơn 1,4 lần so với mức chuẩn Chính phủ quy định là phù hợp vì:*

*+* Tỷ lệ tăng mức chuẩn trợ giúp xã hội kỳ này tương đương với giai đoạn năm 2009 - 2010;

+ Thực hiện đúng Luật Thủ đô ngày 28 tháng 6 năm 2024 “*Điều 27 Khoản 3. b)... hỗ trợ đối với các đối tượng khác theo mức cao hơn mức quy định hoặc cho đối tượng chưa được quy định trong văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên”;*

+ Với điều kiện ngân sách hiện nay, việc điều chỉnh tăng mức chuẩn trợ giúp xã hội cao hơn 1,4 lần so với mức chuẩn trợ giúp xã hội của Chính phủ là phù hợp.

**2. Chính sách 2: Đối tượng hưởng chính sách trợ giúp xã hội đặc thù của thành phố Hà Nội hàng tháng tại cộng đồng**

***-*** *Mục tiêu của chính sách:* Mở rộng một số đối tượng khó khăn chưa được Trung ương quy định, để đối tượng được hưởng chính sách trợ giúp xã hội đặc thù của thành phố Hà Nội nhằm đảm bảo độ bao phủ thực hiện an sinh xã hội thực hiện Luật Thủ đô ngày 28 tháng 6 năm 2024 “*Điều 27 Khoản 1: Xây dựng hệ thống chính sách xã hội, an sinh xã hội, phúc lợi xã hội của Thủ đô bảo đảm đa dạng, toàn diện, hiện đại, bền vững, bao phủ toàn dân...”;*

*- Nội dung của chính sách:*

(1) Trẻ em; người từ đủ 16 đến dưới 22 tuổi đang học văn hóa, học nghề, học tại các Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên, học cao đẳng, đại học văn bằng thứ nhất; các đối tượng này thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Mồ côi (hoặc không xác định được) cha hoặc mẹ và người còn lại là người khuyết tật đang hưởng chế độ trợ cấp xã hội hàng tháng.

b) Có cha hoặc mẹ là người khuyết tật đang hưởng chế độ trợ cấp xã hội hàng tháng và người còn lại thuộc một trong các trường hợp sau: bị tuyên bố mất tích theo quy định của pháp luật; đang chấp hành án phạt tù tại trại giam; đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc; đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại các cơ sở trợ giúp xã hội.

c) Có cả cha và mẹ là người khuyết tật đang hưởng chế độ trợ cấp xã hội hàng tháng.

(2) Người cao tuổi thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo, không có người có nghĩa vụ và quyền phụng dưỡng hoặc có người có nghĩa vụ và quyền phụng dưỡng (gồm: vợ, chồng, con) nhưng người này không trong độ tuổi lao động hoặc trong độ tuổi lao động nhưng không có khả năng lao động hoặc đang hưởng trợ cấp xã hội hằng tháng.

(3) Người bị mắc một trong các bệnh hiểm nghèo sau đây: ung thư, suy thận phải chạy thận nhân tạo, xơ gan giai đoạn mất bù, suy tim độ 4 hoặc bệnh hiểm nghèo khác theo quy định của cơ quan y tế và là thành viên thuộc hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo; người nhiễm HIV/AIDS là thành viên thuộc hộ cận nghèo.

(4) Các đối tượng đang hưởng trợ cấp hưu trí xã hội theo Nghị định số 176/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về trợ cấp hưu trí xã hội được áp dụng mức chuẩn trợ giúp xã hội của thành phố Hà Nội; hệ số 1,0 và được hưởng quà tết như các đối tượng hưởng chính sách trợ giúp xã hội đặc thù của thành phố Hà Nội.

(5) Trường hợp đối tượng chính sách trợ giúp xã hội đặc thù của thành phố Hà Nội thuộc diện hưởng các mức theo các hệ số khác nhau, hoặc thuộc diện được hưởng nhiều chính sách trợ cấp, hỗ trợ hàng tháng theo các quy định của Thành phố thì chỉ được hưởng một chính sách, hoặc một mức hưởng cao nhất.

*- Các giải pháp thực hiện chính sách:*

(1) Bổ sung nhóm đối tượng đang hưởng trợ cấp hưu trí xã hội theo Nghị định số 176/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về trợ cấp hưu trí xã hội được áp dụng mức chuẩn trợ giúp xã hội của thành phố Hà Nội (hệ số 1,0) và được hưởng quà tết như các đối tượng hưởng chính sách trợ giúp xã hội đặc thù của thành phố Hà Nội.

(2) Sửa đổi nhóm người cao tuổi thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo, không có người có nghĩa vụ và quyền phụng dưỡng hoặc có người có nghĩa vụ và quyền phụng dưỡng (gồm: vợ, chồng, con) nhưng người này không trong độ tuổi lao động hoặc trong độ tuổi lao động nhưng không có khả năng lao động hoặc đang hưởng trợ cấp xã hội hằng tháng.

(3) Quy định hệ số hưởng trợ cấp xã hội

- Trợ cấp xã hội đối với nhóm người cao tuổi thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo, không có người có nghĩa vụ và quyền phụng dưỡng hoặc có người có nghĩa vụ và quyền phụng dưỡng (gồm: vợ, chồng, con) nhưng người này không trong độ tuổi lao động hoặc trong độ tuổi lao động nhưng không có khả năng lao động hoặc đang hưởng trợ cấp xã hội hằng tháng từ 60 đến dưới 80 tuổi hệ số là 1,5; từ 80 tuổi trở lên hệ số là 2,0.

- Trợ cấp xã hội đối với nhóm theo Nghị định số 176/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về trợ cấp hưu trí xã hội (hệ số 1,0).

*- Giải pháp tối ưu được lựa chọn và lý do lựa chọn:*

(1) Bổ sung nhóm đối tượng theo Nghị định số 176/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ vào đối tượng đặc thù của Thành phố để nhóm đối tượng này được hưởng theo mức chuẩn 700.000 đ/tháng của Thành phố (nếu được Hội đồng nhân dân Thành phố thông qua) góp phần thực hiện tốt chính sách an sinh xã hội của Thủ đô Hà Nội.

(2) Quy định rõ đối tượng được hưởng trợ giúp xã hội hàng tháng là Người cao tuổi thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo không có người có nghĩa vụ và quyền phụng dưỡng hoặc có người có nghĩa vụ và quyền phụng dưỡng (gồm: vợ, chồng, con) nhưng người này không trong độ tuổi lao động hoặc trong độ tuổi lao động nhưng không có khả năng lao động hoặc đang hưởng trợ cấp xã hội hằng tháng để làm rõ quy định “không có người có nghĩa vụ và quyền phụng dưỡng” tại các văn bản trước đây, giúp cho các địa phương có căn cứ cụ thể xác định đối tượng thụ hưởng chính sách.

**3. Chính sách 3: Đối tượng có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn của thành phố Hà Nội được tiếp nhận, chăm sóc, nuôi dưỡng trong cơ sở trợ giúp xã hội trực thuộc Sở Y tế Hà Nội**

*- Mục tiêu của chính sách:* Mở rộng, bổ sung nhóm đối tượng có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn của thành phố Hà Nội được tiếp nhận, chăm sóc, nuôi dưỡng trong cơ sở trợ giúp xã hội trực thuộc Sở Y tế Hà Nội chưa được hưởng chính sách theo quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP của Chính phủ và Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội, hướng tới tăng tỷ lệ bao phủ chính sách, thực hiện Luật Thủ đô ngày 28 tháng 6 năm 2024 “*Điều 27 Khoản 1: Xây dựng hệ thống chính sách xã hội, an sinh xã hội, phúc lợi xã hội của Thủ đô bảo đảm đa dạng, toàn diện, hiện đại, bền vững, bao phủ toàn dân.*

*- Nội dung của chính sách:* Ngoài chính sách theo quy định của Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội mở rộng nhóm đối tượng: Người cao tuổi tâm thần nặng, người cao tuổi lang thang có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn nếu có nhu cầu và đảm bảo các điều kiện theo quy định sẽ được chăm sóc, nuôi dưỡng trong cơ sở trợ giúp xã hội theo đúng tiêu chí theo Quyết định số 383/QĐ-TTg ngày 21 tháng 02 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt chiến lược quốc gia về người cao tuổi đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2045, xác định rõ đối tượng Người khuyết tật đặc biệt nặng; Người khuyết tật nặng thuộc hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo được tiếp nhận, chăm sóc, nuôi dưỡng trong cơ sở trợ giúp xã hội trực thuộc Sở Y tế.

*- Các giải pháp thực hiện chính sách:* Giữ nguyên nhóm đối tượng theo quy định tại Nghị định 20/2021 của Chính phủ và Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội và bổ sung thêm nhóm đối tượng Người cao tuổi tâm thần nặng, người cao tuổi lang thang được chăm sóc, nuôi dưỡng trong cơ sở trợ giúp xã hội, xác định rõ đối tượng Người khuyết tật đặc biệt nặng; Người khuyết tật nặng thuộc hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo được đưa vào trung tâm giúp cho các địa phương có căn cứ cụ thể xác định đối tượng thụ hưởng chính sách.

- Giải pháp tối ưu được lựa chọn và lý do lựa chọn:

Căn cứ Quyết định số 383/QĐ-TTg ngày 21 tháng 02 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt chiến lược quốc gia về người cao tuổi đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2045; Kế hoạch số 233/KH-UBND ngày 09/8/2025 của UBND thành phố Hà Nội về việc thực hiện chiến lược quốc gia về người cao tuổi đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn thành phố Hà Nội *“100% Người cao tuổi tâm thần nặng, người cao tuổi lang thang được chăm sóc, nuôi dưỡng trong cơ sở trợ giúp xã hội”.* Vì vậy việc mở rộng nhóm đối tượng này vào chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội của thành phố Hà Nội là giải pháp tối ưu được lựa chọn.

**VI. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHO VIỆC THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH**

**1. Dự kiến nguồn lực**

Dự kiến tổng kinh phí thực hiện theo mức chuẩn trợ giúp xã hội 700.000 đồng/tháng là: 214.680,20 triệu đồng/tháng *(tương đương 2.576.162,40 triệu đồng/năm),* tăng 61.599,82 triệu đồng/tháng *(tương đương 739.197,84 triệu đồng/năm)* so với kinh phí thực hiện chính sách hiện hành, trong đó:

* Kinh phí trợ cấp xã hội tại cộng đồng: 200.313,05 triệu đồng/tháng *(tăng 57.232,3 triệu đồng/tháng).*
* Kinh phí trợ cấp nuôi dưỡng đối tượng tại các cơ sở trợ giúp xã hội: 8.750,70 triệu đồng/tháng *(tăng 2.500,20 triệu đồng/tháng).*
* Kinh phí hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội ước: 5.355 triệu đồng/tháng *(tăng 1.530 triệu đồng/tháng).*
* Kinh phí hỗ trợ trẻ em khuyết tật nhẹ, trẻ em mắc bệnh hiểm nghèo theo khoản 4 Điều 1 Nghị quyết số 13/2023/NQ-HĐND ngày 06/12/2023 của Hội đồng nhân dân Thành phố cấp: 117,740 triệu đồng/tháng *(tăng 437,32 triệu đồng/tháng).*

**2. Nguồn kinh phí**

- Kinh phí thực hiện chính sách trợ giúp xã hội, chính sách hỗ trợ cho các đối tượng tại cộng đồng do ngân sách cấp xã đảm bảo theo phân cấp.

- Kinh phí nuôi dưỡng các đối tượng bảo trợ xã hội tại các cơ sở trợ giúp xã hội trực thuộc Sở Y tế Hà Nội do ngân sách Thành phố đảm bảo và được bố trí trong dự toán giao cho Sở Y tế hàng năm.

**3. Điều kiện đảm bảo cho việc thi hành Nghị quyết sau khi được thông qua**

- Ngân sách đảm bảo đáp ứng đủ kinh phí để thực hiện Nghị quyết.

- Các xã, phường; các cơ sở trợ giúp xã hội có thể triển khai, thực hiện ngay sau khi Nghị quyết có hiệu lực thi hành.

**4. Đánh giá tác động của Nghị quyết về thủ tục hành chính và giới**

- Tác động về thủ tục hành chính:

+ Nghị quyết không làm phát sinh mới thủ tục hành chính.

+ Công tác chi trả trợ cấp xã hội hàng tháng cho đối tượng bảo trợ xã hội hiện nay chủ yếu qua tài khoản *(đối tượng nhận trợ cấp qua tài khoản chiếm 98,8% tổng số đối tượng đang hưởng trợ cấp).*

- Tác động về giới: Chính sách không có nội dung liên quan đến vấn đề bình đẳng giới; không trực tiếp điều chỉnh vấn đề giới; không có tác động khác biệt nào đối với mỗi giới hay làm phát sinh vấn đề mới về giới; không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới.

1. **THỜI GIAN TRÌNH NGHỊ QUYẾT**

Kỳ họp thứ …. Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội khóa ….

Trên đây là Tờ trình đề nghị xây dựng ***“Nghị quyết quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội và đối tượng hưởng chính sách trợ giúp xã hội đặc thù của thành phố Hà Nội”***, Ủy ban nhân dân Thành phố trình Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố xem xét, quyết định.

*(Xin gửi kèm theo dự thảo Nghị quyết “quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội và đối tượng hưởng chính sách trợ giúp xã hội đặc thù của thành phố Hà Nội”” và các văn bản liên quan).*

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***   * - Như trên; * - Thường trực Thành ủy; * - Chủ tịch UBND Thành phố;   - Các Phó Chủ tịch UBND TP;  - Các Ban: VHXH, KTNS, PC HĐND TP;  - Các Sở: LĐTBXH, Tài chính, Tư pháp;  - VPUB: CVP, các PCVP,  Phòng KGVX, TH;  - Lưu: VT, KGVX. | **TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  **KT. CHỦ TỊCH**  **PHÓ CHỦ TỊCH**    **Vũ Thu Hà** |